

CÔNG TY TNHH CENTURY SUPPLY CHAIN MANAGEMENT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CENTURY SUPPLY CHAIN MANAGEMENT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CENTURY SUPPLY CHAIN MANAGEMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CENTURY SCM CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110576269

3. Ngày thành lập: 19/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Triệu Xuyên 3, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973721368

Fax:

Email: Minhnguyen.trieuphuc@gmail.com Website: vninfor.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời và hệ thống xây dựng khác.	4329
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
4.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
5.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác trừ đấu giá tài sản	4513
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác trừ đấu giá tài sản	4530
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy trừ bán buôn xăng dầu, đấu giá tài sản	4543
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua bán, môi giới mua bán các loại hàng hoá và dịch vụ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam. (trừ đấu giá hàng hóa, môi giới bất động sản)	4610
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
10.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

11.	Bán buôn thực phẩm	4632
12.	Bán buôn đồ uống	4633
13.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình trừ kinh doanh dược phẩm	4649
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại trừ kinh doanh vàng	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu trừ bán buôn hóa chất có tính độc hại mạnh; không tồn trữ hóa chất	4669
21.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức, xúc tiến, quản lý các sự kiện, triển lãm, giới thiệu, hội nghị.	8230
22.	Dịch vụ đóng gói	8292
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; Dịch vụ thương mại điện tử. (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	8299
24.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
25.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
26.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
27.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
28.	Lập trình máy vi tính trừ xuất bản phần mềm	6201
29.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
30.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
31.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
32.	Cổng thông tin Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử (trừ hoạt động báo chí)	6312
33.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đầu	6399

34.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, như lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch, tiến độ sản xuất và giám sát,... trong lĩnh vực kinh doanh nông sản, thủy sản, hoạt động logistics,... (trừ tư vấn và đại diện pháp lý, tư vấn kế toán, kiểm toán, thuế, tư vấn giáo dục, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động – việc làm, hoạt động vận động hành lang, tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư xây dựng)	7020
35.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
36.	Quảng cáo	7310
37.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
38.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Tổ chức thiết kế các sản phẩm văn hoá phẩm; Tư vấn thi công, trang trí nội thất, ngoại thất. (trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)	7410
39.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu trừ môi giới, đấu giá bất động sản	7490
40.	Cho thuê xe có động cơ	7710
41.	Bán buôn tổng hợp trừ các mặt hàng nhà nước cấm	4690
42.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
43.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
44.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
46.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
47.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
48.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
49.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
50.	Sản xuất đường	1072
51.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
52.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
53.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
54.	Sản xuất chè	1076
55.	Sản xuất cà phê	1077
56.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
57.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080

58.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
59.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
60.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
61.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
62.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
63.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
64.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
65.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
66.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất giấy và các sản phẩm về giấy theo quy định pháp luật.	1701
67.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
68.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
69.	In ấn	1811
70.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
71.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
72.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
73.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử; Bán lẻ các loại hàng hoá bằng thư đặt hàng; Bán lẻ các loại hàng hoá qua internet; Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại. (trừ đấu giá tài sản)	4791
74.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu trừ đấu giá tài sản	4799
75.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
76.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
77.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
78.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
79.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
80.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
81.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
82.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, hóa lỏng khí để vận chuyển	5221
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy trừ hóa lỏng khí để vận chuyển	5222

85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không trừ hóa lỏng khí để vận chuyển	5223
86.	Bốc xếp hàng hóa	5224
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ trừ hóa lỏng khí để vận chuyển	5225
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Logistics; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu; Các dịch vụ logistics khác theo quy định pháp luật.	5229(Chính)
89.	Bưu chính Chi tiết: Nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước hoặc quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện bằng dịch vụ bưu chính qua mạng lưới bưu điện được quy định bằng các giao ước dịch vụ thống nhất theo các tuyến và khu vực.	5310
90.	Chuyển phát Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ chuyển phát nhanh trong và ngoài nước.	5320
91.	Dịch vụ ăn uống khác trừ hoạt động tại quán bar, quán karaoke, quán rượu, quán giải khát có khiêu vũ	5629
92.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
93.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
94.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
95.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết: Cung cấp dịch vụ hỗ trợ tổng hợp cho cơ sở vật chất của khách hàng như làm sạch nội thất, bảo dưỡng, dọn dẹp rác, bảo vệ, gửi thư, lễ tân, giặt là và các dịch vụ có liên quan đáp ứng nhu cầu của khách hàng.	8110
96.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
97.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
98.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp Chi tiết: Cung cấp dịch vụ nhân sự, chuyển phát thư.	8211
99.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản phẩm các sản phẩm văn hóa phẩm. (trừ các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục thẩm mỹ, nhân cách)	3290
100.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
101.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
102.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
103.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
104.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
105.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

106.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối điện.	3512
107.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hoà không khí.	3530
108.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Khai thác nước từ sông, ao, hồ ...; Thu nước mưa; Thanh lọc nước để cung cấp; Xử lý nước cho mục đích cộng nghiệp và các mục đích khác.	3600
109.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
110.	Xây dựng nhà không để ở	4102
111.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
112.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
113.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
114.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
115.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
116.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh trừ kinh doanh dược phẩm	4772
117.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN MINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 25/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001084027215

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Triệu Xuyên 3, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Triệu Xuyên 3, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001084027215

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Triệu Xuyên 3, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Triệu Xuyên 3, Xã Long Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội